

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 1 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 04/2021/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 QUÂN KHU 5**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Nguyễn Tấn Tùng.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Hà Văn Dũng;

4/ Huỳnh Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: 4/ Võ Minh Tuấn, Thư ký, Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5 tham gia phiên tòa: 1// Nguyễn Quốc Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường e48, f320, Quân đoàn C, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 19/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 04/5/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 04/2021/TB-TA ngày 16/8/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh ngày 22/4/1987 tại Nghệ An; giới tính: Nam; nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã E, huyện B, tỉnh Nghệ An; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: H3, at, bVTĐ, c18, e48, f320, Quân đoàn C; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959 và bà Trần Thị L, sinh năm 1960; vợ Ngân Thị N, sinh năm 1985; tiền án: Không; tiền sự: Không; về nhân thân: Sau khi đào ngũ đi khỏi đơn vị, bị cáo Nguyễn Văn T đã 05 lần thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị kết án cụ thể như sau: Bản án số 39/2007/HSST ngày 24/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù; ngày 22/01/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm xử phạt 06 tháng tù; Bản án số 113/2011/HSST ngày 25/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù; Bản án số 59/2013/HSST ngày 16/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù; Bản án số 164/2015/HSST ngày 13/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Long An xử phạt 05 năm tù; Bản án số 13/2016/HSST ngày 29/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù, tổng hợp hình

phạt chung của 02 bản án là 08 năm tù; chưa bị xử lý hành chính lần nào; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/01/2021, tạm giam từ ngày 02/02/2021; có mặt.

Người làm chứng:

- Phan Chí T; có mặt.
- Vũ Văn H; có mặt.
- Nguyễn Cảnh L; vắng mặt.
- Nguyễn Văn T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02 năm 2004, Nguyễn Văn T nhập ngũ vào Quân đội. Sau khi huấn luyện chiến sĩ mới và học tiểu đội trưởng, T được biên chế về bVTĐ, c18, e48, f320, Quân đoàn C đóng quân tại Thôn N, xã O, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian học tập, công tác đã 02 lần tự ý rời bỏ đơn vị nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 13/4/2006, Nguyễn Văn T bị đau được đơn vị đưa đến Bệnh viện Quân y Q, Quân đoàn C để khám và điều trị. Khi nằm viện đến ngày 16/4/2006, T tự ý bỏ đi nên Bệnh viện thông báo cho đơn vị biết để xử lý. Sau đó, e48 đã gửi Giấy báo đào ngũ số 01/BĐN ngày 24/4/2006 về Ban Chỉ huy quân sự huyện B, tỉnh Nghệ An, UBND xã E và liên hệ với gia đình T để cùng phối hợp giải quyết. Qua nắm bắt thông tin từ gia đình, đơn vị biết được T đang ở huyện T, tỉnh Bình Dương nên đã cử đồng chí Nguyễn Cảnh L, 4/, ct/c18 cùng với anh trai của T là Nguyễn Văn S đi tìm, gặp và đón xe khách đưa T về đơn vị. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/4/2006, khi xe đi đến địa phận huyện U, tỉnh Bình Phước, lợi dụng lúc xe dừng nghỉ, T tiếp tục bỏ trốn nhưng sau đó bị Công an huyện U bắt và bàn giao cho đồng chí L. Ngày 27/4/2006, đồng chí Nguyễn Cảnh L đã đưa Nguyễn Văn T về đến đơn vị và tiến hành các thủ tục xử lý quân nhân vi phạm về hành vi đào ngũ. Lệnh phạt giam số 604/LPG ngày 01/5/2006 của et/e48 kỷ luật quân nhân Nguyễn Văn T bằng hình thức phạt giam 10 ngày, từ 06 giờ 30 phút, ngày 01/5/2006 đến 06 giờ 30 phút, ngày 10/5/2006 về hành vi đào ngũ.

Lần thứ hai: Trưa ngày 01/5/2006, Nguyễn Văn T lại tiếp tục bỏ trốn khỏi đơn vị. e48 đã gửi Giấy báo đào ngũ số 02/BĐN ngày 02/5/2006 và số 03/BĐN ngày 12/5/2006 đến Ban Chỉ huy quân sự huyện B, UBND xã E liên hệ với gia đình T cùng phối hợp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 19/6/2006, e48, f320 gửi Công văn số 544/CV đến Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực Quân đoàn 3 yêu cầu xử lý quân nhân Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2021, Nguyễn Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận bắt theo quyết định truy nã và bàn giao cho Cơ quan điều tra hình sự Khu vực Quân đoàn C để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận: Trong thời gian công tác tại bVTĐ, c18, e48, f320, Quân đoàn C, bị cáo thấy gò bó nên đã 02 lần tự ý bỏ trốn nhằm mục đích rời bỏ hẳn đơn vị, quân đội, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, ngày 16/4/2006, bị cáo đang điều trị tại Bệnh viện Quân y Q, Quân đoàn C đã tự ý rời khỏi bệnh viện, đón xe vào huyện T, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích không trở lại đơn vị. Ngày 26/4/2006, đồng chí Nguyễn Cảnh L, Đại đội trưởng cùng với anh trai của bị cáo là Nguyễn Văn S tìm gặp và đón xe khách đưa bị cáo về lại đơn vị. Ngày 01/5/2006, đơn vị tiến hành sinh hoạt và kỷ luật bị cáo về hành vi đào ngũ với hình thức phạt giam 10 ngày. Lần thứ hai, trưa ngày 01/5/2006, trong lúc đang chấp hành kỷ luật phạt giam, bị cáo tiếp tục bỏ trốn khỏi đơn vị đi vào tỉnh Bình Dương làm ăn, sinh sống, sau đó về quê lấy vợ. Trong thời gian đào ngũ từ năm 2006 đến năm 2016, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân xét xử, tuyên án 05 lần về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 30/01/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, cùng ngày bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận bắt theo quyết định truy nã.

Người làm chứng Phan Chí T và Vũ Văn H đều khai: Trong thời gian công tác tại bVTĐ, c18, e48, f320, Nguyễn Văn T có thái độ vô tổ chức kỷ luật, đào ngũ khỏi đơn vị hai lần. Đơn vị cử đồng chí Nguyễn Cảnh L là 4/ct/c18 về địa phương, phối hợp cùng gia đình để giáo dục đưa T trở lại đơn vị. Ngày 01/5/2006, đơn vị tiến hành sinh hoạt kiểm điểm và ra quyết định kỷ luật phạt giam Nguyễn Văn T 10 ngày về hành vi đào ngũ. Ngày 01/5/2006, Nguyễn Văn T tiếp tục bỏ trốn, đơn vị tổ chức tìm kiếm nhưng không có kết quả.

Lời khai người làm chứng Nguyễn Văn T1 là cha của bị cáo cho biết: Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, T đào ngũ và gia đình đã động viên, phối hợp với chỉ huy để đưa T trở lại đơn vị. Lần đào ngũ thứ hai, T không liên lạc gì với gia đình. Trong thời gian về địa phương và vào miền Nam sinh sống, T nhiều lần bị tòa án nhân dân phạt tù. Ngày sinh đúng theo hộ khẩu của Nguyễn Văn T là ngày 22/4/1987, còn ngày sinh ghi trong lý lịch nghĩa vụ quân sự là do gia đình khai nhầm.

Cáo trạng số: 02/CT-VKSQSKV52 ngày 15/4/2021 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52, Quân khu 5 truy tố bị can Nguyễn Văn T về tội "Đào ngũ" quy định tại khoản 1 Điều 402 BLHS năm 2015.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 402; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về nội dung lời luận tội, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, xin lỗi chỉ

huy đơn vị vì đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch huấn luyện, thi đua của đơn vị. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, ông Nguyễn Văn T1 là cha của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực Quân đoàn C, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Sau khi thẩm tra lời khai của bị cáo và người làm chứng. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với nội dung vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo thực hiện nghĩa vụ quân sự theo lệnh gọi nhập ngũ của cơ quan có thẩm quyền. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2006 đến tháng 5/2006 tại bVTĐ, c18, e48, f320, Nguyễn Văn T đã đào ngũ hai lần rời bỏ hàng ngũ Quân đội nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự. Lần thứ nhất, đơn vị đã xử lý kỷ luật bằng hình thức phạt giam quân nhân Nguyễn Văn T 10 ngày từ 06 giờ 30 phút, ngày 01/5/2006 đến 06 giờ 30 phút, ngày 10/5/2006 về hành vi đào ngũ. Trong thời gian thi hành kỷ luật, T không chịu sửa chữa, khắc phục sai phạm mà tiếp tục bỏ trốn khỏi đơn vị. Ngày 30/01/2021, Nguyễn Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận bắt theo quyết định truy nã.

Nguyễn Văn T đã bị xử lý kỷ luật về hành vi rời bỏ hàng ngũ Quân đội nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự nhưng tiếp tục vi phạm; hành vi của T đủ yếu tố cấu thành tội "Đào ngũ" quy định tại khoản 1 Điều 325 BLHS năm 1999. Khoản 1 Điều 325 BLHS năm 1999 có khung hình phạt cao hơn khoản 1 Điều 402 BLHS năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Đào ngũ" quy định tại khoản 1 Điều 402 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, đó là kỷ luật và sức mạnh chiến đấu của Quân đội, xâm hại chế độ thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân, làm ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và truyền thống tốt đẹp của người quân nhân.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Qua xem xét tính chất vụ án và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, đồng thời làm bài học giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Đào ngũ".

Áp dụng khoản 1 Điều 402; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 30/01/2021.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/8/2021, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:

- VKSQSK5;
- VKSQSKV52 QK5;
- CQĐTHSKV QĐC;
- CQTHAHS QĐC;
- Trại tạm giam QĐC;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, THA. T11.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

1// Nguyễn Tấn Tùng